BẢNG GIÁ HAGER 2025

NHÀ PHÂN PHỐI THIẾT BỊ ĐIỆN HAGER

Cầu dao tự động loại nhỏ MCB 6KA
type C – MU

Mô tả:
Bảo vệ và điều khiển mạch điện chống lại quá tải và ngắn mạch. Ứng dụng trong gia đình, thương mại và công nghiệp.

Số liệu kỹ thuật:
MUxxxA= đặc tính đường cong loại C
Theo tiêu chuẩn IEC60898-1 và BSEN60-898
Nhiệt độ hiệu chỉnh tham khảo:
MUxxxA=30°C
MS1xxX=40°C

Công suất ngắn mạch:
6kA IEC60898-1
10kA IEC60947-2
22KAIC NEMA AB-1
Điện áp hoạt động: 230/400V
Dòng hoạt động: 2-63A
Độ bền cơ khí: 20,000 lần

Khả năng đấu nối:
25mm² cáp cứng
16mm² cáp mềm

Có thể lắp phụ kiện, cuộn ngắt, tiếp điểm phụ.

Được phê chuẩn bởi:
KEMA
SNI
LMK

MU116A

MU232A

MU363A

MU432A

Mô tả	Dòng điện/A	Độ rộng 17.5mm	Mã đặt hàng	Đóng gói	Đơn giá VNĐ
MCB loại 1 cực	6	1	**MU106A**	12	155,000
	10	1	**MU110A**	12	155,000
	16	1	**MU116A**	12	155,000
	20	1	**MU120A**	12	155,000
	25	1	**MU125A**	12	155,000
	32	1	**MU132A**	12	155,000
	40	1	**MU140A**	12	155,000
	50	1	**MU150A**	12	335,000
	63	1	**MU163A**	12	335,000
MCB loại 2 cực	6	2	**MU206A**	6	481,000
	10	2	**MU210A**	6	481,000
	16	2	**MU216A**	6	481,000
	20	2	**MU220A**	6	481,000
	25	2	**MU225A**	6	481,000
	32	2	**MU232A**	6	481,000
	40	2	**MU240A**	6	481,000
	50	2	**MU250A**	6	833,000
	63	2	**MU263A**	6	833,000
MCB loại 3 cực	6	3	**MU306A**	4	777,000
	10	3	**MU310A**	4	777,000
	16	3	**MU316A**	4	777,000
	20	3	**MU320A**	4	777,000
	25	3	**MU325A**	4	777,000
	32	3	**MU332A**	4	777,000
	40	3	**MU340A**	4	777,000
	50	3	**MU350A**	4	1,294,000
	63	3	**MU363A**	4	1,294,000
MCB loại 4 cực	6	4	**MU406A**	3	1,387,000
	10	4	**MU410A**	3	1,387,000
	16	4	**MU416A**	3	1,387,000
	20	4	**MU420A**	3	1,387,000
	25	4	**MU425A**	3	1,387,000
	32	4	**MU432A**	3	1,387,000
	40	4	**MU440A**	3	1,387,000
	50	4	**MU450A**	3	2,218,000
	63	4	**MU463A**	3	2,218,000

Mô tả:
Bảo vệ và điều khiển mạch điện chống lại quá tải và ngắn mạch. Ứng dụng cho hệ thống phân phối điện trong gia đình, thương mại và công nghiệp.

Số liệu kỹ thuật:
NCxxxA = đặc tính đường cong loại C
Theo tiêu chuẩn IEC60898-1 và BSEN60-898
Nhiệt độ hiệu chỉnh tham khảo: 30°C

Công suất ngắn mạch:
10kA IEC60898-1
15kA IEC60947-2

30KAIC NEMA AB-1
Điện áp hoạt động: 230/400V
Dòng hoạt động: 0.5-63A

Độ bền cơ khí:
20,000 lần

Chỉ thị trạng thái đóng mở:
Đỏ: trạng thái đóng
Xanh: trạng thái mở

Khả năng đấu nối:
25mm² cáp cứng
16mm² cáp mềm

Có thể lắp phụ kiện, cuộn ngắt, tiếp điểm phụ.

NC110A

NC210A

NC310A

NC410A

	Mô tả	Dòng điện/A	Độ rộng 17.5mm	Mã đặt hàng	Đóng gói	Đơn giá VNĐ
	MCB loại 1 cực	6		**NC106A**	12	445,000
		10		**NC110A**	12	445,000
		16		**NC116A**	12	445,000
		20		**NC120A**	12	445,000
		25		**NC125A**	12	445,000
		32		**NC132A**	12	445,000
		40		**NC140A**	12	751,000
		50		**NC150A**	12	982,000
		63		**NC163A**	12	982,000
	MCB loại 2 cực	6	2	**NC206A**	6	1,099,000
		10	2	**NC210A**	6	1,099,000
		16	2	**NC216A**	6	1,099,000
		20	2	**NC220A**	6	1,099,000
		25	2	**NC225A**	6	1,099,000
		32	2	**NC232A**	6	1,099,000
		40	2	**NC240A**	6	1,445,000
		50	2	**NC250A**	6	1,907,000
		63	2	**NC263A**	6	1,907,000
	MCB loại 3 cực	6	3	**NC306A**	4	1,676,000
		10	3	**NC310A**	4	1,676,000
		16	3	**NC316A**	4	1,676,000
		20	3	**NC320A**	4	1,676,000
		25	3	**NC325A**	4	1,676,000
		32	3	**NC332A**	4	1,676,000
		40	3	**NC340A**	4	2,139,000
		50	3	**NC350A**	4	2,800,000
		63	3	**NC363A**	4	2,800,000
	MCB loại 4 cực	6	4	**NC406A**	3	2,543,000
		10	4	**NC410A**	3	2,543,000
		16	4	**NC416A**	3	2,543,000
		20	4	**NC420A**	3	2,543,000
		25	4	**NC425A**	3	2,543,000
		32	4	**NC432A**	3	2,543,000
		40	4	**NC440A**	3	3,006,000
		50	4	**NC450A**	3	3,873,000
		63	4	**NC463A**	3	3,873,000

Cầu dao tự động loại nhỏ MCB (HLF) 10kA type C – 80A, 100A, 125A

Mô tả:
Bảo vệ và điều khiển mạch điện chống lại quá tải và ngắn mạch.

- Ứng dụng cho hệ thống phân phối điện trong thương mại và công nghiệp.

Tiêu chuẩn:
IEC 60898-1

Số liệu kỹ thuật:
Đặc tính đường cong loại C theo tiêu chuẩn IEC60898-1
Nhiệt độ hiệu chỉnh tham khảo: 30°C

Công suất ngắn mạch:
10,000A

Điện áp hoạt động: 230V-400V
Dòng hoạt động: 80-125A
Độ bền điện: 20,000 lần

Khả năng đấu nối:
50mm² cáp cứng
35mm² cáp mềm

HLF199S

HLF299S

HLF399S

HLF499S

Mô tả	Dòng điện/A	Độ rộng 17.5mm	Mã đặt hàng	Đóng gói	Đơn giá VNĐ
MCB loại 1 cực	80	1.5	**HLF180S**	1	2,243,000
	100	1.5	**HLF190S**	1	2,243,000
	125	1.5	**HLF199S**	1	3,587,000
MCB loại 2 cực	80	3	**HLF280S**	1	3,408,000
	100	3	**HLF290S**	1	3,408,000
	125	3	**HLF299S**	1	4,484,000
MCB loại 3 cực	80	4.5	**HLF380S**	1	4,484,000
	100	4.5	**HLF390S**	1	4,932,000
	125	4.5	**HLF399S**	1	6,314,000
MCB loại 4 cực	80	6	**HLF480S**	1	6,995,000
	100	6	**HLF490S**	1	6,995,000
	125	6	**HLF499S**	1	8,071,000

Khởi động từ ESC

Contactors

Công tắc tơ là thiết bị điện cần thiết để điều khiển hệ thống sưởi, chiếu sáng hoặc thông gió. Chúng được khuyến nghị kết hợp với các thiết bị điều khiển và quản lý năng lượng (bộ điều nhiệt bộ định thời gian trễ, bộ lập trình,...)

Phiên bản tiêu chuẩn 1 và 2 được khuyến nghị cho các ứng dụng giảm mức tiêu thụ và tản nhiệt là cần thiết.
Phù hợp với IEC 61095.

Công tắc tơ có thể được kết hợp với tiếp điểm phụ ESC080 để báo hiệu từ xa.
Khuyến nghị:
Sử dụng chèn tản nhiệt LZ060 giữa mỗi 3 sản phẩm.

Việc sử dụng tiếp điểm phụ ESC080 không tương thích với công tắc tơ chiều rộng 1 mô-đun.

ESC225

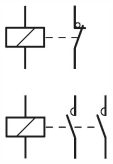

Mô tả	Type	Độ rộng 17.5mm	Mã đặt hàng	Đóng gói	Đơn giá VNĐ
Contactors:					
25A_250V		1	**ESC225**	12	955,000
40A 440V	**2NO**	3	**ESC240**	1	2,170,000
63A_440V		3	**ESC263**	1	2,554,000

Mô tả:
Dùng để ngắt mạch tự động trong trường hợp lỗi chạm đất giữa dây pha và dây nối đất và/ hoặc dây trung tính, dòng rò lớn hơn hoặc bằng 10, 30, 100, 300 hoặc 500mA. Sử dụng lắp đặt trong gia đình, thương mại và công nghiệp.

Số liệu kỹ thuật:
Điện áp danh định:
2 cực 110/230V – 50Hz
4 cực 230/400V – 50Hz*
Theo tiêu chuẩn:
IEC 61008-1
S97

Khả năng đấu nối:
16-63A: 25mm² cáp cứng
16mm² cáp mềm
80-100A: 50mm² cáp cứng
35mm² cáp mềm
Dải nhiệt độ môi trường:
-5 đến 40°C

Chỉ thị trạng thái đóng mở*:
Chỉ thị cơ, thể hiện ở mặt trước của RCCB, kết nối để chỉ thị trạng thái mở của tất cả các cực
Đỏ: trạng thái đóng
Xanh: trạng thái mở

Chỉ thị lỗi rò điện*:
Chỉ thị cơ, thể hiện ở mặt trước của RCCB, dùng để thể hiện sự khác nhau giữa trạng thái ngắt và trạng thái mở, vàng – ngắt

Tất cả RCCB đều bảo vệ chống lại điện áp thoáng qua (sét, dòng nhiễu) và dòng thoáng qua (từ mạch công suất lớn).
Vui lòng liên hệ chúng tôi cho RCCB dòng DC hay các thiết bị trễ thời gian.

Có thể lắp đặt các phụ kiện:
Tiếp điểm phụ*
Mặt che đầu nối*
Khóa*

**Không áp dụng cho dòng cơ bản*

CD240B

Mô tả	Độ nhạy/mA	Dòng điện/A	Mã đặt hàng Đường cong C	Đóng gói	Đơn giá VNĐ
Loại 2 cực	30mA	25	**CD225B**		1,319,000
		40	**CD240B**		1,394,000
		63	**CD263B**		1,631,000
		80	**CD280B**		2,147,000
		100	**CD284B**		4,294,000
Loại 4 cực	30mA	25	**CD425B**		1,804,000
		40	**CD440B**		1,975,000
		63	**CD463B**		2,404,000
		80	**CD480B**		4,208,000
		100	**CD484B**		4,466,000

Cầu dao chống dòng rò, chống giật kết hợp bảo vệ ngắn mạch (RCBO)

Mô tả:
Thiết bị bảo vệ nhỏ gọn cho bảo vệ quá dòng (MCB) và bảo vệ dòng rò (RCCB) tất cả được tích hợp trong 1 thiết bị

Số liệu kỹ thuật:
1P + N

Theo tiêu chuẩn: IEC 61009

Công suất ngắn mạch: 6000A

Điện áp hoạt động: 230VAC
Dòng hoạt động: 6 – 40A

Bảo vệ chạm đất: 10mA, 30mA

Độ bền cơ học: 20,000 lần

Khả năng đấu nối:
Đầu nối trên cùng 16mm² cáp cứng
10mm² cáp mềm

AD616B

Mô tả	Dòng điện/A	Độ rộng 17.5mm	Mã đặt hàng	Đóng gói	Đơn giá VNĐ
1 Δ n = 30mA	10	2	**AD610B**		1,298,000
2 cực (1P+N)	16	2	**AD616B**		1,298,000
	20	2	**AD620B**		1,298,000
	25	2	**AD625B**		1,298,000
	32	2	**AD632B**		1,298,000
	40	2	**AD640B**		1,298,000

Cầu dao tự động loại lớn (MCCB) 2 & 3 cực

Mô tả:
MCCB dòng cắt lên đến 250A
Bộ ngắt từ và nhiệt:
• Loại Z: cố định nhiệt và cố định từ

Số liệu kỹ thuật:
Số cực: 1, 2, 3 và 4
Có nút kiểm tra dạng cơ, lắp đặt khóa
Tay quay tích hợp với vị trí lắp đặt ổ khóa Ø4mm

Khả năng đấu nối:
95mm² cáp cứng (x160)
185mm² cáp cứng (x250)
70mm² cáp mềm (x160)
120mm² cáp mềm (x250)

Theo tiêu chuẩn IEC 60947-2

HDA125Z

Mô tả	Dòng điện/A	Mã đặt hàng	Đơn giá VNĐ
MCCBs x160 18kA		**2 cực**	
Công suất ngắn mạch	100	**HDA099Z**	1,775,000
Icu: 18kA			
(400/415V AC)		**3 cực**	
Ics: 18kA	20	**HDA020Z**	2,496,000
Cố định nhiệt	25	**HDA025Z**	2,496,000
1 x In	32	**HDA032Z**	2,496,000
Cố định từ	40	**HDA040Z**	2,496,000
> 10 x In	50	**HDA050Z**	2,590,000
	63	**HDA063Z**	2,590,000
	80	**HDA080Z**	2,590,000
	100	**HDA100Z**	2,590,000
	125	**HDA125Z**	2,736,000
	160	**HDA160Z**	3,315,000

HHA100Z

MCCBs x160 25kA		**2 cực**	
Công suất ngắn mạch	100	**HHA099Z**	2,071,000
Icu: 25kA			
(400/415V AC)		**3 cực**	
Ics: 20kA	20	**HHA020Z**	2,946,000
Cố định nhiệt	25	**HHA025Z**	2,946,000
1 x In	32	**HHA032Z**	2,946,000
Cố định từ	40	**HHA040Z**	2,946,000
> 10 x In	50	**HHA050Z**	3,059,000
	63	**HHA063Z**	3,059,000
	80	**HHA080Z**	3,059,000
	100	**HHA100Z**	3,059,000
	125	**HHA125Z**	3,453,000
	160	**HHA160Z**	3,946,000

*** Ghi chú:** Nếu quý khách có yêu cầu **MCCB** dòng cắt lớn hơn, vui lòng liên hệ chúng tôi.

Easy to use
Small enclosure
golf VF & VG
As a specialist for housing and commercial premise enclosures, Hager provides a large range of products. Flush or surface mounting, there is always a Hager solution to answer your need.
CÔNG NGHỆ ĐỨC
AN TOÀN • CAO CẤP • CHUYÊN NGHIỆP
:hager

Golf - Tủ âm mặt trong và đục (VF)

Hộp phân phối âm tường từ 1 đến 4 hàng, từ 4 mô đun đến 72 mô đun, đi kèm cửa đục hoặc cửa trong. Thanh ray dành cho các thiết bị dạng mô đun.
Khoảng các giữa các thanh ray 125mm.

reddot design award

Hộp phân phối được sản xuất từ vật liệu nhựa chống cháy. Cửa đục và cửa trong. Cửa có thể được lắp bên phải hoặc bên trái với thao tác đơn giản; tùy chọn ổ khóa.
Cửa có thể mở 180^0. Đế âm tường và mặt che có thể lắp đặt 2 hướng. Lỗ mở cáp dạng trượt. Lỗ mở cáp dễ dàng cho cáp và ống luồn cáp.

Thành phần bao gồm:
- Thanh trung tính và nối đất bằng đồng với ốc vặn.
- Trụ dùng để cố định cáp bằng dây rút
  - Cửa được bảo vệ bằng màng nhựa.
- Đóng gói thùng giấy
- Thanh ray được cố định trực tiếp vào hộp cho phép không gian dành cho dây phía sau.
- Được cung cấp với thanh gắn tường.

Thông số kỹ thuật:
- Chỉ số IP: IP40 có cửa
- Màu trắng RAL 9010 (áp dụng cho mặt và viền cửa)
  - Dòng định mức: cho các thiết bị lên tới 63 A
- Điện áp cách ly: 400VAC/50Hz
- Nhiệt độ hiệu chỉnh tham khảo: 650^0 C
  - Xuất xứ: Tây Ban Nha

** Màu sắc đế tủ có thể thay đổi do vật liệu sử dụng là vật liệu tái chế để bảo vệ môi trường.*

VF104PM

VF212PM

VF312PM

VF318TM

VF412TM

Mô tả	Kích thước	Mã đặt hàng	Đóng gói	Đơn giá VNĐ
1 row 4	(H x W x D): 189 x 170 x 72 mm	**VF104PM**	1	812,000
		VF104TM	1	853,000
1 row 8	(H x W x D): 189 x 242 x 72 mm	**VF108PM**	1	930,000
		VF108TM	1	1,098,000
1 row 12	(H x W x D): 257 x 318 x 72 mm	**VF112PM**	1	1,496,000
		VF112TM	1	1,553,000
2 row 24	(H x W x D): 382 x 318 x 72 mm	**VF212PM**	1	2,118,000
		VF212TM	1	2,308,000
3 row 36	(H x W x D): 507 x 318 x 72 mm	**VF312PM**	1	2,432,000
		VF312TM	1	2,552,000
4 row 48	(H x W x D): 652 x 318 x 72 mm	**VF412PM**	1	3,035,000
		VF412TM	1	2,897,000
1 row 18	(H x W x D): 257 x 426 x 72 mm	**VF118PM**	1	1,845,000
		VF118TM	1	1,997,000
2 row 36	(H x W x D): 382 x 426 x 72 mm	**VF218PM**	1	2,400,000
		VF218TM	1	2,646,000
3 row 54	(H x W x D): 507 x 426 x 72 mm	**VF318PM**	1	3,296,000
		VF318TM	1	3,494,000
4 row 72	(H x W x D): 652 x 426 x 72 mm	**VF418PM**	1	4,614,000
		VF418TM	1	5,057,000

*** Ghi chú:** Nếu quý khách có yêu cầu ***TỦ NỔI***, vui lòng liên hệ chúng tôi.

Cung cấp với:
- Cửa trơn/trong suốt cho thiết bị lắp đặt có chiều sâu lên đến 61mm
- Thanh ray cho các thiết bị mô-đun 46mm dưới nắp che
- Đầu nối trung tính & nối đất được lắp cố định trên đế với vít kim loại

Chiều mở cửa:
- Mở lên và xuống cho loại tủ từ 10 đến 23 mô đun
- Mở từ trái qua phải cho loại tủ từ 30 đến 38 mô đun

Lỗ mở cho cáp ra vào:
Dạng mở trực tiếp, phía trên, phía dưới.

Dòng điện lên đến 63A

Vật liệu:
- Cửa đục và cửa trong: Polycarbonate
- Đế: thép mạ kẽm

Chỉ số bảo vệ:
IP40 có cửa

Khả năng chịu nhiệt:
- 650 ± 15℃

Kiểu lắp đặt:
Lắp âm tường

VG10PFB

VG10TFB

VG30TFB

VG48TFB

Mô tả	Mã đặt hàng	Đóng gói	Đơn giá VNĐ
1 đường, 10 mô-đun, cửa đục rộng.240.4 x cao.200 x sâu.80(mm)*	**VG10PFB**	1	896,000
1 đường, 10 mô-đun, cửa trong rộng.240.4 x cao.200 x sâu.80(mm)*	**VG10TFB**	1	941,000
1 đường, 13 mô-đun, cửa đục rộng.294 x cao.200 x sâu.80(mm)*	**VG13PFB**	1	1,140,000
1 đường, 13 mô-đun, cửa trong rộng.294 x cao.200 x sâu.80(mm)*	**VG13TFB**	1	1,185,000
1 đường, 17 mô-đun, cửa đục rộng.365 x cao.200 x sâu.80(mm)*	**VG17PFB**	1	1,558,000
1 đường, 17 mô-đun, cửa trong rộng.365 x cao.200 x sâu.80(mm)*	**VG17TFB**	1	1,497,000
1 đường, 20 mô-đun, cửa đục rộng.418.5 x cao.200 x sâu.80(mm)*	**VG20PFB**	1	1,600,000
1 đường, 20 mô-đun, cửa trong rộng.418.5 x cao.200 x sâu.80(mm)*	**VG20TFB**	1	1,596,000
1 đường, 23 mô-đun, cửa đục rộng.472 x cao.200 x sâu.80(mm)*	**VG23PFB**	1	1,614,000
1 đường, 23 mô-đun, cửa trong rộng.472 x cao.200 x sâu.80(mm)*	**VG23TFB**	1	1,758,000
2 đường, 30 mô-đun, cửa đục rộng.331 x cao.328 x sâu.80(mm)*	**VG30PFB**	1	2,153,000
2 đường, 30 mô-đun, cửa trong rộng.331 x cao.328 x sâu.80(mm)*	**VG30TFB**	1	2,287,000
2 đường, 36 mô-đun, cửa đục rộng.385 x cao.328 x sâu.80(mm)*	**VG36PFB**	1	2,422,000
2 đường, 36 mô-đun, cửa trong rộng.385 x cao.328 x sâu.80(mm)*	**VG36TFB**	1	2,601,000
3 đường, 48 mô-đun, cửa đục rộng.349 x cao.453 x sâu.80(mm)*	**VG48PFB**	1	3,767,000
3 đường, 48 mô-đun, cửa trong rộng.349 x cao.453 x sâu.80(mm)*	**VG48TFB**	1	4,036,000

(*): lỗ mở tường

Công tắc thời gian loại Analog 72 x 72mm

Mô tả:
Đặt chương trình cho hằng ngày hoặc hằng tuần. Một kênh điều khiển, áp dụng cho đèn, sưởi, trong gia đình, tủ kính trưng bày… để tăng tính tiện nghi và tiết kiệm năng lượng.

Phạm vi áp dụng:
Trong gia đình, tòa nhà thương mại và công nghiệp.
Theo tiêu chuẩn EN 60730

Số liệu kỹ thuật:
- Phù hợp với lắp trên bề mặt, lắp âm hoặc lắp trên thanh ray 35mm
- Lập trình bằng cách giữ từng phân đoạn.
- Ghi đè bằng tay với tự động quay trở lại chương trình.
- Duy trì hoạt động: 200 giờ sau khi được kết nối điện 120 giờ
- Ngõ ra: mọi điện áp
- Tiếp điểm thay đổi trạng thái 16A/250V

Phiên bản ngày:
Mỗi bước trong chương trình: 10 phút
- Thời gian tối thiểu giữa 2 khoảng chuyển đổi: 20 phút

Phiên bản tuần:
Mỗi bước trong chương trình: 1 giờ
- Thời gian tối thiểu giữa 2 khoảng chuyển đổi: 2 giờ
- Chuyển đổi chính xác: 10 phút

Mô tả	Đặc tính	Mã đặt hàng	Đóng gói	Đơn giá VNĐ
1 kênh chu kỳ ngày Có nguồn dự trữ	Nguồn cung cấp: 230V 50/60Hz	**EHN711**	1	1,490,000

EHN711

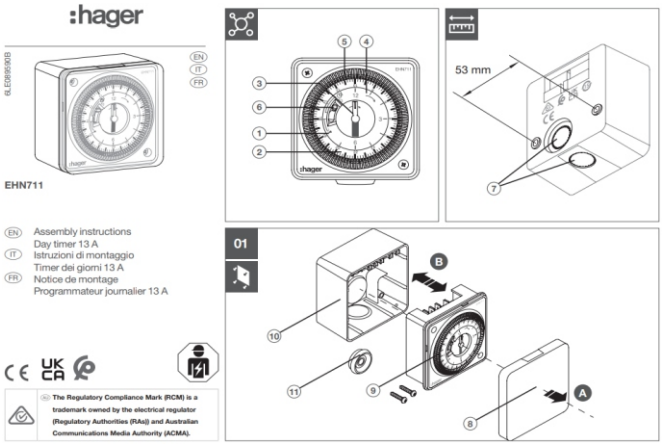

Công tắc thời gian loại cơ điện tử

Mô tả:
Lắp đặt trên thanh ray 35mm.
Theo tiêu chuẩn EN 60730.

Số liệu kỹ thuật:
Lập trình bằng cách giữ từng phân đoạn

- Ghi đè bằng tay:
  Trên thiết bị 1 mô-đun:
  - Tự động
  - Cố định Mở
  Trên thiết bị 2, 3 & 5 mô-đun:
  - Tự động
  - Cố định Mở
  - Cố định Tắt

Điện áp hoạt động:
110/230VAC 50/60Hz cho EH11, EH209, EH210. Còn lại sử dụng 230VAC 50/60Hz.
Thời gian chuyển đổi tối thiểu:
- 15 phút cho phiên bản ngày (1 và 3 mô-đun)
- 2 giờ cho phiên bản tuần
- 30 phút cho phiên bản ngày (2 mô-đun)
- 3 giờ 30 phút cho phiên bản tuần (2 mô-đun)
- 15 phút và 2 giờ cho phiên bản ngày + tuần kết hợp.

Khả năng đấu nối:
1 đến 4mm²

Mô tả	Đặc tính	Độ rộng 17.5mm	Mã đặt hàng	Đóng gói	Đơn giá VNĐ
1 kênh 24 giờ Có nguồn dự trữ	**Ngõ ra:** 1N/O 16A - 250V AC1 **Tiếp điểm CO** 16A - 250V AC1	3	**EHN111**	1	2,799,000

EHN111

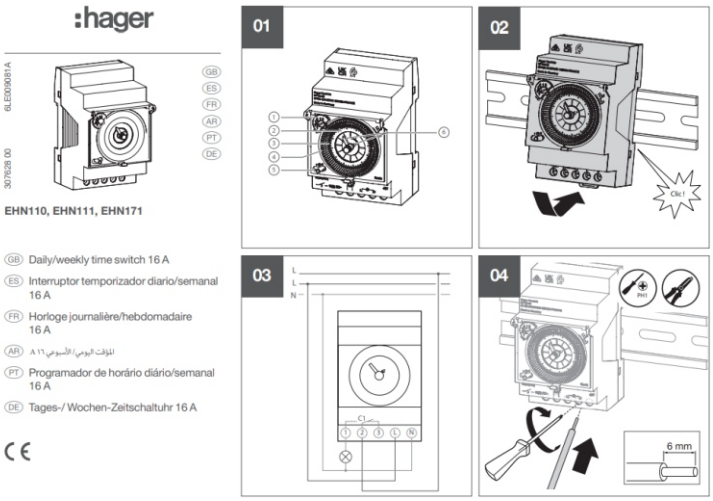

Mô tả:
Dãy sản phẩm cầu dao cách ly IP66 được thiết kế để có thể sử dụng ngoài trời với cấp bảo vệ IP66. Có 2 dòng AC22A và AC23A cho 2, 3 cực và 4 cực có ngắt trung tính. Sản phẩm nhỏ gọn và dễ dàng lắp đặt với 2 con vít tháo lắp nhanh ở mặt che.

Tuân theo tiêu chuẩn
BS EN/IEC 60947-3
AS 3947-3

Điện áp: 250V~AC
440V~AC

Dòng AC22A được sử dụng cho tải điện trở hỗn hợp, tải cảm ứng và bao gồm cả quá tải vừa.

Dòng AC23A được sử dụng cho tải động cơ hoặc tải cảm ứng cao

Tiêu chuẩn cơ khí:
Loại bảo vệ: IP65 - IP66

Vật liệu: Polycarbonate - lớp UV

Thiết bị & phụ kiện:
2 cực 20-40A
3 cực & trung tính 20-125A
3 cực & ngắt trung tính 20-63A

JG220U

Mô tả	Mã đặt hàng	Đóng gói	Đơn giá VNĐ
Dòng: AC22A			
Cầu dao cách ly loại 2 cực			
20A 2 cực IP66	**JG220U**	1	702,000
32A 2 cực IP66	**JG232U**	1	786,000
40A 2 cực IP66	**JG240U**	1	867,000
63A 2 cực IP66	**JG263U**	1	1,569,000
Cầu dao cách ly loại 3 cực			
20A 3 cực IP66	**JG320U**	1	916,000
32A 3 cực IP66	**JG332U**	1	1,121,000
40A 3 cực IP66	**JG340U**	1	1,259,000
Cầu dao cách ly loại 3 cực + ngắt trung tính			
20A 4 cực IP66	**JG420U**	1	1,017,000
32A 4 cực IP66	**JG432U**	1	1,358,000
40A 4 cực IP66	**JG440U**	1	1,528,000
63A 4 cực IP66	**JG463U**	1	2,478,000

JG320IN

Dòng: AC23A			
Cầu dao cách ly loại 2 cực			
20A 2 cực IP66	**JG220IN**	1	778,000
32A 2 cực IP66	**JG232IN**	1	876,000
40A 2 cực IP66	**JG240IN**	1	1,070,000
63A 2 cực IP66	**JG263IN**	1	1,745,000
Cầu dao cách ly loại 3 cực			
20A 3 cực IP66	**JG320IN**	1	1,017000
32A 3 cực IP66	**JG332IN**	1	1,244,000
40A 3 cực IP66	**JG340IN**	1	1,400,000
Cầu dao cách ly loại 3 cực + ngắt trung tính			
20A 4 cực IP66	**JG420IN**	1	1,401,000
32A 4 cực IP66	**JG432IN**	1	1,791,000
40A 4 cực IP66	**JG440IN**	1	1,956,000
63A 4 cực IP66	**JG463IN**	1	2,707,000

JG380S

Dòng: AC22A			
Cầu dao cách ly loại 3 cực			
63A 3 cực IP65	**JG363S**	1	3,955,000
80A 3 cực IP65	**JG380S**	1	4,305,000
125A 3 cực IP65	**JG325S**	1	5,345,000

Cầu dao cách ly IP41

Mô tả:
Phạm vi của FBS kèm theo đã được thiết kế để phù hợp với phạm vi của bảng phân phối TP & N. Số lượng kích thước chắc chắn đã được cài đặt. Các sản phẩm FBS được thiết kế để bảo vệ các mạch riêng biệt quảng cáo. Phạm vi được trình bày trong thùng gắn bề mặt bao gồm 2 phiên bản của hộp:
- TPN 20-1600A (14 dòng sản phẩm)
- TPSN 20-1600A (14 dòng sản phẩm)

Thành phần bao gồm :
- Cầu dao cách ly
- Cửa trơn
- Tay xoay mở rộng

Thông số kỹ thuật:
- Trong nhà

- Dòng cắt định mức (In): 20A - 1600A
- Điện áp định mực (Ue): 415V AC
- Loại sử dụng: AC23A
- Màu: Sơn epoxy RAL 9002
- Vỏ kim loại
- Thép CR4 dày 1.2 mm

Tiêu chuẩn:
BS EN 61 439-1,
BS EN 61 497-3,
IEC 61 497-3
LBS Sequence 1 & 3
FCS Sequence 1 & 4

JAC316
JAC416

Mô tả :	In (A)	Mã đặt hàng:	Đóng gói	Đơn giá VNĐ
Dòng AC23A				
3P + N	20A	**JAB302**	1	5,417,000
IP 41	32A	**JAB303**	1	5,455,000
	63A	**JAB306**	1	6,910,000
	100A	**JAB310**	1	7,507,000
	125A	**JAC312**	1	10,376,000
	160A	**JAC316**	1	10,724,000
3P + SW N	200A	**JAE320**	1	11,829,000
IP 41	250A	**JAE325**	1	11,988,000
	20A	**JAB402**	1	5,834,000
	32A	**JAB403**	1	6,212,000
	63A	**JAB406**	1	7,873,000
	100A	**JAB410**	1	8,384,000
	125A	**JAC412**	1	11,910,000
	160A	**JAC416**	1	11,998,000
	200A	**JAE420**	1	12,309,000
	250A	**JAE425**	1	12,730,000

* **Ghi chú**: *Nếu quý khách có yêu cầu về dòng lớn hơn hoặc loại Ip55 vui lòng liên hệ chúng tôi.*

Cảm biến phát hiện chuyển động

Phát hiện chuyển động:
Các thiết bị dò, nhạy với hồng ngoại hào quang, có thể phát hiện người đi qua để kiểm soát ánh sáng một cách tự động. Độ nhạy phát hiện, độ trễ sáng và độ nhạy sáng được kết hợp với phát hiện hồng ngoại để quản lý hiệu quả việc tiêu thụ năng lượng. Chúng có thể được sử dụng trong các ứng dụng thượng mại và dân dụng, trong cả hai cấu hình trong nhà và ngoài trời. Cảm biến gán tường loại tiêu chuẩn phù hợp cho đèn huỳnh quang có công suất đến 1000W

Loại gắn tường tiêu chuẩn:
Có thể lắp đặt trên một bức tường, góc bên ngoài hoặc bên trong, hoặc trên trần nhà với các phụ kiện, tùy thuộc vào điều kiện sử dụng.

Cảm biến gắn trần:
Có thể gắn nối trên trần nhà, hoặc gắn âm với lỗ mở trên trần (75mm)

EE804A

EE805A

Mô tả	Đặc tính	Góc hoạt động	Mã đặt hàng	Đóng gói	Đơn giá VNĐ
Loại gắn trần					
Cảm biến hồng ngoại	cảm biến gắn nổi	360º màu trắng	**EE804A**	1	1,887,000
dùng cho điều khiển chiếu sáng bên trong và bên ngoài	cảm biến gắn âm	360º màu trắng	**EE805A**	1	1,887,000

Hager Muse series

When a standard becomes well-known, Hager still walks on the highest point of the standard and uses one of the best materials in the world Bayer PC, environment friendly, anti-flaming, and strong texture.

- Theo tiêu chuẩn BS EN 60669-1, IEC 60669-1 chứng nhận CB
- Cung cấp kèm vít dài M3.5 x 37mm
- Công tắc 2 chiều có thể được kết nối 1 chiều hoặc 2 chiều
- Khả năng đấu nối: 3 x 1.5mm^2 2 x 2.5mm^2
- Vật liệu: Polycarbonate
- Cầu đấu được đánh dấu: L1 = 1 chiều L2 = 2 chiều C = chân chung

WGML111
WGML112
WGML113

WGML121
WGML122

WGML131
WGML132

WGML141
WGML142

WGML111B

WGML111E

WGML2D1N

WGML2D2N

WGMEDR500

WGMEFR250

Mô tả	Mã đặt hàng	Đóng gói	Đơn giá VNĐ
Công tắc đèn 1 cực 16A			
Mặt 1 công tắc 1 chiều, nút bấm lớn	**WGML111**	10	72,000
Mặt 1 công tắc 2 chiều, nút bấm lớn	**WGML112**	10	82,000
Mặt 2 công tắc 1 chiều, nút bấm lớn	**WGML121**	10	104,000
Mặt 2 công tắc 2 chiều, nút bấm lớn	**WGML122**	10	132,000
Mặt 3 công tắc 1 chiều, nút bấm lớn	**WGML131**	10	144,000
Mặt 3 công tắc 2 chiều, nút bấm lớn	**WGML132**	10	189,000
Mặt 4 công tắc 1 chiều, nút bấm lớn	**WGML141**	10	359,000
Mặt 4 công tắc 2 chiều, nút bấm lớn	**WGML142**	10	394,000
Mặt 1 công tắc trung gian, nút bấm lớn	**WGML113**	10	291,000
Công tắc chuông 1 cực 10A			
Đánh dấu « bell », nút bấm lớn	**WGML111B**	10	104,000
Đánh dấu "Exit", nút bấm lớn	**WGML111E**	10	120,000
Công tắc điều khiển 2 cực 20A , 32A			
Mặt 1 công tắc 2 cực có đèn LED, nút bấm lớn	**WGML2D1N**	10	223,000
Mặt 2 công tắc 2 cực có đèn LED, nút bấm lớn	**WGML2D2N**	10	394,000
Mặt 1 công tắc 2 cực có đèn LED, nút bấm ớn 32A	**WGML32D1**	10	599,000
Công tắc điều chỉnh độ sáng đèn			
Bộ điều chỉnh độ sáng từ 40-500W	**WGMEDR500**	6	556,000
Công tắc điều chỉnh tốc độ quạt			
Bộ điều chỉnh tốc độ quạt 250VA	**WGMEFR250**	6	556,000

Dòng Muse - Ổ cắm nguồn

- Theo tiêu chuẩn IEC 884-1 ; BS 5733 (áp dụng cho WXES101IS)
- Cung cấp kèm vít dài M3.5 x 37mm
- Ổ cắm có công tắc điều khiển được thiết kế với vạch màu đỏ chỉ thị rõ ràng trên công tắc.
- Vật liệu: Polycarbonate
- Khả năng đấu nối: L, N: 2 x 4.0mm^2 E: 3 x 2.5mm^2

WGMS116EA

WGMS216EA

WGMS216UI

Mô tả	Mã đặt hàng	Đóng gói	Đơn giá VNĐ
Ổ cắm nguồn			
Ổ cắm đơn 3 chấu 16A chuẩn Âu Mỹ	**WGMS116EA**	10	159,000
Ổ cắm đôi 3 chấu 16A chuẩn Âu Mỹ	**WGMS216EA**	10	219,000
Ổ cắm 5 chấu (2 chấu + 3 chấu) chuẩn quốc tế	**WGMS216UI**	8	232,000

Dòng Muse - Ổ cắm tivi, điện thoại, mạng

• Cung cấp kèm vít dài M3.5 x 37mm • Vật liệu: polycarbonate

WGMT1TV

WGMT1TVF

WGMT2TVRJ5

WGMT1RJ5
WGMT1RJ6

WGMT2RJ5
WGMT2RJ6

WGMT2RJRJ5
WGMT2RJRJ6

WGMT1RJ

WGMT2RJ

Mô tả	Mã đặt hàng	Đóng gói	Đơn giá VNĐ
Ổ cắm ti vi đồng trục	**WGMT1TV**	10	186,000
Ổ cắm ti vi kiểu F	**WGMT1TVF**	10	232,000
Ổ cắm ti vi + mạng RJ45 Cat 5e	**WGMT2TVRJ5**	10	436,000
Ổ cắm mạng RJ45 (1 mô-đun) Cat 5e	**WGMT1RJ5**	10	259,000
Ổ cắm mạng RJ45 (2 mô-đun) Cat 5e	**WGMT2RJ5**	10	463,000
Ổ cắm mạng RJ45 (1 mô-đun) Cat 6	**WGMT1RJ6**	10	325,000
Ổ cắm mạng RJ45 (2 mô-đun) Cat 6	**WGMT2RJ6**	10	501,000
Ổ cắm điện thoại RJ11 + mạng RJ45 Cat 5e	**WGMT2RJRJ5**	10	380,000
Ổ cắm điện thoại RJ11 + mạng RJ45 Cat 6	**WGMT2RJRJ6**	10	492,000
Ổ cắm mạng RJ11 (1 mô-đun)	**WGMT1RJ**	10	167,000
Ổ cắm mạng RJ11 (2 mô-đun)	**WGMT2RJ**	10	306,000

Dãy sản phẩm khách sạn

• Theo tiêu chuẩn BSEN 60669-1 • Cung cấp kèm vít dài M3.5 x 37mm • Vật liệu: Polycarbonate

WGMHKTM

WGMHDC

WGMHBD

WGMS3USB

Mô tả	Mã đặt hàng	Đóng gói	Đơn giá VNĐ
Dãy sản phẩm khách sạn			
Công tắc khóa thẻ trì thời 60s	**WGMHKTM**	6	1,154,000
Công tắc "DND & MUR" có đèn LED	**WGMHDC**	6	496,000
Công tắc "DND & MUR" & công tắc chuông	**WGMHBD**	6	(***)
Ổ cắm 3 USB (2 x USB + 1 x USB C)	**WGMS3USB**	8	1,762,000

Sản phẩm khác

WGMC1

WGMCV1

XC9001

XC9002

XC9003

XC9004

Mô tả	Mã đặt hàng	Đóng gói	Đơn giá VNĐ
Mặt viền			
Mặt viền loại mặt 1 dùng cho công tắc	**WGMC1**	10	17,000
Mặt viền loại mặt 1 dùng cho ổ cắm	**WGMCV1**	10	17,000
Mặt viền loại mặt 2	**WGMC2**	10	17,000
Mặt che			
Mặt che công tắc	**XC9001**	50	129,000
Mặt che ổ cắm	**XC9002**	50	129,000
Mặt che chống nước IP55	**XC9003**	40	269,000
Mặt che chống nước IP55 (size 2)	**XC9004**	40	359,000

Giá đã bao gồm 8% VAT

Hager Dream series

Dòng Dream - Công tắc

- Theo tiêu chuẩn BS EN 60669-1, IEC 60669-1 chứng nhận CB
- Cung cấp kèm vít dài M3.5 x 37mm
- Công tắc 2 chiều có thể được kết nối 1 chiều hoặc 2 chiều
- Khả năng đấu nối: 3 x 1.5mm^2 2 x 2.5mm^2
- Vật liệu: Polycarbonate
- Cầu đấu được đánh dấu: L1 = 1 chiều L2 = 2 chiều C = chân chung

WGDL111
WGDL112
WGDL113

WGDL121
WGDL122

WGDL131
WGDL132

WGDL141
WGDL142

Mô tả	Mã đặt hàng	Đóng gói	Đơn giá VNĐ
Công tắc đèn 1 cực 16A			
Mặt 1 công tắc 1 chiều, nút bấm lớn	**WGDL111**	10	156,000
Mặt 1 công tắc 2 chiều, nút bấm lớn	**WGDL112**	10	183,000
Mặt 2 công tắc 1 chiều, nút bấm lớn	**WGDL121**	10	243,000
Mặt 2 công tắc 2 chiều, nút bấm lớn	**WGDL122**	10	290,000
Mặt 3 công tắc 1 chiều, nút bấm lớn	**WGDL131**	10	345,000
Mặt 3 công tắc 2 chiều, nút bấm lớn	**WGDL132**	10	424,000
Mặt 4 công tắc 1 chiều, nút bấm lớn	**WGDL141**	10	496,000
Mặt 4 công tắc 2 chiều, nút bấm lớn	**WGDL142**	10	636,000
Mặt 1 công tắc trung gian, nút bấm lớn	**WGDL113**	10	345,000

WGDL111B

WGDL111E

Công tắc chuông 1 cực 10A			
Đánh dấu « bell », nút bấm lớn	**WGDL111B**	10	267,000
Đánh dấu "Exit", nút bấm lớn	**WGDL111E**	10	283,000

WGDL2D1N

WGDL2D2N

Công tắc điều khiển 2 cực 20A			
Mặt 1 công tắc 2 cực có đèn LED, nút bấm lớn	**WGDL2D1N**	8	415,000
Mặt 2 công tắc 2 cực có đèn LED, nút bấm lớn	**WGDL2D2N**	8	831,000

WGDEDR500

WGDEFR250

Công tắc điều chỉnh độ sáng đèn			
Bộ điều chỉnh độ sáng từ 40-500W	**WGDEDR500**	6	1,177,000
Công tắc điều chỉnh tốc độ quạt			
Bộ điều chỉnh tốc độ quạt 250VA	**WGDEFR250**	6	1,569,000

Dòng Dream - Ổ cắm nguồn

- Theo tiêu chuẩn IEC 884-1 ; BS 5733 (áp dụng cho WXES101IS)
- Cung cấp kèm vít dài M3.5 x 37mm
- Ổ cắm có công tắc điều khiển được thiết kế với vạch màu đỏ chỉ thị rõ ràng trên công tắc.
- Vật liệu: Polycarbonate
- Khả năng đấu nối: L, N: 2 x 4.0mm^2 E: 3 x 2.5mm^2

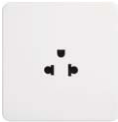
WGDS116EA

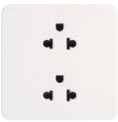
WGDS216EA

Mô tả	Mã đặt hàng	Đóng gói	Đơn giá VNĐ
Ổ cắm nguồn			
Ổ cắm đơn 3 chấu 16A chuẩn Âu Mỹ	**WGDS116EA**	8	298,000
Ổ cắm đôi 3 chấu 16A chuẩn Âu Mỹ	**WGDS216EA**	8	340,000

• Cung cấp kèm vít dài M3.5 x 37mm • Vật liệu: polycarbonate

WGDT1TV

WGDT1TVF

WGDT2TVRJ5

WGDT1RJ5
WGDT1RJ6

WGDT2RJ5
WGDT2RJ6

WGDT2RJRJ5
WGDT2RJRJ6

WGDT1RJ

WGDT2RJ

Mô tả	Mã đặt hàng	Đóng gói	Đơn giá VNĐ
Ổ cắm ti vi đồng trục	**WGDT1TV**	10	374,000
Ổ cắm ti vi kiểu F	**WGDT1TVF**	10	358,000
Ổ cắm ti vi + mạng RJ45 Cat 5e	**WGDT2TVRJ5**	10	520,000
Ổ cắm mạng RJ45 (1 mô-đun) Cat 5e	**WGDT1RJ5**	10	315,000
Ổ cắm mạng RJ45 (2 mô-đun) Cat 5e	**WGDT2RJ5**	10	623,000
Ổ cắm mạng RJ45 (1 mô-đun) Cat 6	**WGDT1RJ6**	10	400,000
Ổ cắm mạng RJ45 (2 mô-đun) Cat 6	**WGDT2RJ6**	10	798,000
Ổ cắm điện thoại RJ11 + mạng RJ45 Cat 5e	**WGDT2RJRJ5**	10	416,000
Ổ cắm điện thoại RJ11 + mạng RJ45 Cat 6	**WGDT2RJRJ6**	10	706,000
Ổ cắm mạng RJ11 (1 mô-đun)	**WGDT1RJ**	10	273,000
Ổ cắm mạng RJ11 (2 mô-đun)	**WGDT2RJ**	10	524,000

Dãy sản phẩm khách sạn

• Theo tiêu chuẩn BSEN 60669-1 • Cung cấp kèm vít dài M3.5 x 37mm • Vật liệu: Polycarbonate

WGDHKTM
WGDHKTRFID

WGDHDC

WGDHBD

WGDS3USB

WGDHUSB35

WGDHHIVA

WGDHSL

WGDHSR

Mô tả	Mã đặt hàng	Đóng gói	Đơn giá VNĐ
Dãy sản phẩm khách sạn			
Công tắc khóa thẻ trì thời gian 60s - Mechanical	**WGDHKTM**	6	1,412,000
Công tắc khóa thẻ trì thời gian 60s - FRID	**WGDHKTRFID**	6	(***)
Công tắc "DND & MUR" có đèn LED	**WGDHDC**	8	691,000
Công tắc "DND & MUR" & công tắc chuông	**WGDHBD**	10	769,000
Ổ cắm 3 USB (2 x USB + 1 x USB C)	**WGDS3USB**	8	1,788,000
Ổ cắm HDMI + VGA	**WGDHHIVA**	10	(***)
Ổ cắm USB + 3.5mm AUDIO	**WGDHUSB35**	10	(***)
Đèn ngủ âm tường	**WGDHSL**	8	(***)
Ổ cắm dao cạo râu 115/230VAC 20VA	**WGDHSR**	1	2,170,000

(***): Vui lòng liên hệ chúng tôi để được giá tốt nhất

Hager inspire
wiring accessories

for a better life

Dòng Inspire - Công tắc, ổ cắm

- Theo tiêu chuẩn BS EN 60669-1, IEC 60669-1 chứng nhận CB
- Cung cấp kèm vít dài M3.5 x 37mm
- Công tắc 2 chiều có thể được kết nối 1 chiều hoặc 2 chiều
- Khả năng đấu nối: 3 x 1.5mm² 2 x 2.5mm²
- Vật liệu: Polycarbonate
- Cầu đấu được đánh dấu: L1 = 1 chiều L2 = 2 chiều C = chân chung

WGCL111
WGCL112

WGCL121
WGCL122

WGCL131
WGCL132

WGCL141
WGCL142

WGCL111B

WGCL111E

WGCL2D1N

WGCEDR500

WGCEFR250

Mô tả	Mã đặt hàng	Đóng gói	Đơn giá VNĐ
Công tắc đèn 1 cực 16A			
Mặt 1 công tắc 1 chiều, nút bấm lớn	**WGCL111**	10	139,000
Mặt 1 công tắc 2 chiều, nút bấm lớn	**WGCL112**	10	166,000
Mặt 2 công tắc 1 chiều, nút bấm lớn	**WGCL121**	10	222,000
Mặt 2 công tắc 2 chiều, nút bấm lớn	**WGCL122**	10	260,000
Mặt 3 công tắc 1 chiều, nút bấm lớn	**WGCL131**	10	310,000
Mặt 3 công tắc 2 chiều, nút bấm lớn	**WGCL132**	10	379,000
Mặt 4 công tắc 1 chiều, nút bấm lớn	**WGCL141**	10	465,000
Mặt 4 công tắc 2 chiều, nút bấm lớn	**WGCL142**	10	598,000
Công tắc chuông 1 cực 10A			
Đánh dấu « bell », nút bấm lớn	**WGCL111B**	10	222,300
Đánh dấu "Exit", nút bấm lớn	**WGCL111E**	10	230,300
Công tắc điều khiển 2 cực 20A			
Mặt 1 công tắc 2 cực có đèn LED, nút bấm lớn	**WGCL2D1N**	8	424,000
Công tắc điều chỉnh độ sáng đèn			
Bộ điều chỉnh độ sáng từ 40-500W	**WGCEDR500**	6	721,000
Công tắc điều chỉnh tốc độ quạt			
Bộ điều chỉnh tốc độ quạt 250VA	**WGCEFR250**	6	721,000

Dòng Inspire - Ổ cắm nguồn

- Theo tiêu chuẩn IEC 884-1 ; BS 5733 (áp dụng cho WXES101IS)
- Cung cấp kèm vít dài M3.5 x 37mm
- Ổ cắm có công tắc điều khiển được thiết kế với vạch màu đỏ chỉ thị rõ ràng trên công tắc.
- Vật liệu: Polycarbonate
- Khả năng đấu nối: L, N: 2 x 4.0mm² E: 3 x 2.5mm²

WGCS116EA

WGCS216EA

Mô tả	Mã đặt hàng	Đóng gói	Đơn giá VNĐ
Ổ cắm nguồn			
Ổ cắm đơn 3 chấu 16A chuẩn Âu Mỹ	**WGCS116EA**	8	248,000
Ổ cắm đôi 3 chấu 16A chuẩn Âu Mỹ	**WGCS216EA**	8	289 ,000

• Cung cấp kèm vít dài M3.5 x 37mm • Vật liệu: polycarbonate

WGCT1TV

WGCT1TVF

WGCT2TVRJ5

WGDT1RJ5
WGCT1RJ6

WGCT2RJ5
WGCT2RJ6

WGCT2RJRJ5
WGCT2RJRJ6

WGCT1RJ

WGCT2RJ

Mô tả	Mã đặt hàng	Đóng gói	Đơn giá VNĐ
Ổ cắm ti vi đồng trục	**WGCT1TV**	10	310,000
Ổ cắm ti vi kiểu F	**WGCT1TVF**	10	363,000
Ổ cắm ti vi + mạng RJ45 Cat 5e	**WGCT2TVRJ5**	10	402,000
Ổ cắm mạng RJ45 (1 mô-đun) Cat 5e	**WGCT1RJ5**	10	310,000
Ổ cắm mạng RJ45 (2 mô-đun) Cat 5e	**WGCT2RJ5**	10	620,000
Ổ cắm mạng RJ45 (1 mô-đun) Cat 6	**WGCT1RJ6**	10	392,000
Ổ cắm mạng RJ45 (2 mô-đun) Cat 6	**WGCT2RJ6**	10	651,000
Ổ cắm điện thoại RJ11 + mạng RJ45 Cat 5e	**WGCT2RJRJ5**	10	408,000
Ổ cắm điện thoại RJ11 + mạng RJ45 Cat 6	**WGCT2RJRJ6**	10	664,000
Ổ cắm mạng RJ11 (1 mô-đun)	**WGCT1RJ**	10	237,000
Ổ cắm mạng RJ11 (2 mô-đun)	**WGCT2RJ**	10	397,000

Dãy sản phẩm khách sạn

• Theo tiêu chuẩn BSEN 60669-1 t$VOHD⊠QLÒNWÓUEËJ. Y NN • Vật liệu: Polycarbonate

WGCHKTM
WGCHKTRFID

WGCHDC

WGCHBD

WGCS3USB

WGCHUSB35

WGCHHIVA

WGCHSR

Mô tả	Mã đặt hàng	Đóng gói	Đơn giá VNĐ
Dãy sản phẩm khách sạn			
Công tắc khóa thẻ trì thời 60s	**WGCHKTM**	6	(***)
Công tắc khóa thẻ trì thời 60s	**WGCHKTRFID**	6	(***)
Công tắc "DND & MUR" có đèn LED	**WGCHDC**	6	(***)
Công tắc "DND & MUR" & công tắc chuông	**WGCHSR**	6	(***)
Ổ cắm 3 USB (2 x USB + 1 x USB C)	**WGCS3USB**	6	(***)
Ổ cắm HDMI + VGA	**WGCHHIVA**	6	(***)
Ổ cắm USB + 3.5mm AUDIO	**WGCHUSB35**	6	(***)
Ổ cắm dao cạo râu 115/230VAC 20VA	**WGCHSR**	6	(***)

(***): Vui lòng liên hệ chúng tôi để được giá tốt nhất

• Cung cấp kèm vít dài M4 x 40mm
• Cung cấp kèm cầu đấu nối nhanh
• Khả năng đấu nối:
L, N: 2 x 2.5mm²
E: 2 x 2.5mm²

WGFFVE3BS

Mô tả	Mã đặt hàng	Đóng gói	Đơn giá VNĐ
Khung ổ cắm âm sàn Dạng khung Inox sọc *(cung cấp kèm đế kim loại)*	**WGFFVE3BS**	1	2,030,000

Mô-đun

WGMRJ45
WGMRJ456

WGSM16EA

WGSM216EA

WGMRJ11

WGSM113

WGMV1

WGSMT16EA

WGMTV75F

16A ổ cắm đơn 2 chấu chuẩn Âu-Mỹ (22.5mm x 45mm)	**WGSM216EA**	10	96,000
16A ổ cắm đơn 3 chấu chuẩn Âu-Mỹ (45mm x 45mm)	**WGSM16EA**	10	145,000
16A ổ cắm đôi 3 chấu chuẩn Âu-Mỹ (45mm x 67.5mm)	**WGSMT16EA**	5	221,000
13A ổ cắm đơn 3 chấu chuẩn Anh (45mm x 45mm)	**WGSM113**	10	145,000
Ổ cắm điện thoại 4 chân (22.5mm x 45mm)	**WGMRJ11**	10	167,000
Ổ cắm mạng 8 chân Cat 5E (22.5mm x 45mm)	**WGMRJ45**	10	252,000
Ổ cắm mạng 8 chân Cat 6 (22.5mm x 45mm)	**WGMRJ456**	10	361,000
Ổ cắm ti vi kiểu F (22.5mm x 45mm)	**WGMTV75F**	10	224,000
Mô-đun trơn (22.5mm x 45mm)	**WGMV1**	10	60,000

THE COLOR OF YOUR HOUSE

Muse series

WHITE

WGML111B

WGML2D1N

WGMS116EA

WGMS216EA

WGMS3USB

Dream series

WHITE

WGDL111B

WGDL121

WGDL131

WGDS116EA

WGDS216EA

INTERSTELER GRAY

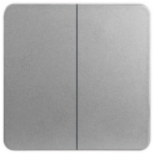
WGDL121IG

WGDS116EAIG

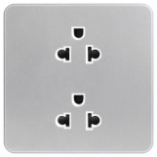
WGDS216EAIG

WGDT1RJ5IG

WGDS3USBIG

ELEGANT GOLD

WGDL131EG

WGDS216EAEG

WGDS3USBEG

WGDT2RJ6EG

WGDL2DN1EG

KNIGHT BLACK

WGDL141KB

WGDEDR500KB

WGDHHIVAKB

WGDT2TVRJ5KB

WGDL2DN1EGKB

InSpire series

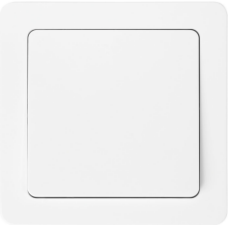
WHITE

WGCL131

WGCL111B

WGCS116EA

WGCS216EA

WGCS3USB